

BẢNG XÉT DUYỆT KẾT QUẢ THI LẠI NĂM HỌC 2016 - 2017

Khối: 10

STT	Họ và tên	LỚP	KẾT QUẢ HỌC TẬP TRƯỚC KHI THI LẠI														Môn đăng ký thi lại	KẾT QUẢ HỌC TẬP SAU KHI THI LẠI														Xét duyệt				
			Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP	Xếp loại			Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Su	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP		Xếp loại			
																TBem		HL															HK	TBem	HL	HK
1	Nguyễn Nhật Anh	10A1	5.4	6.8	5.6	6.1	5.5	6	6.8	4.7	3.4	6.6	6.5	Đ	6	5.8	Y	Khá	A	5.4	6.8	5.6	6.1	5.5	6	6.8	4.7	2.1	6.6	6.5	Đ	6	5.7	Yếu	Khá	Ở lại lớp
2	Phan Trí Bảo	10A1	2.7	5.8	4.2	6.2	6.2	6.3	6.2	3.7	4.1	7.1	6.6	Đ	6.2	5.4	Y	TB	Không đăng kí	2.7	5.8	4.2	6.2	6.2	6.3	6.2	3.7	4.1	7.1	6.6	Đ	6.2	5.4	Yếu	TB	Ở lại lớp
3	Trần Huy Hoàng	10A1	2.5	4	4.3	5.9	5	5.2	4	5.2	5.1	5.5	5.2	Đ	6.1	4.8	Y	Khá	T Su	1	4	4.3	5.9	5	5.2	2	5.2	5.1	5.5	5.2	Đ	6.1	4.5	Kém	Khá	Ở lại lớp
4	Trần Anh Kiệt	10A1	3.1	6.2	4.4	5.4	5.7	5.3	5.4	4.1	3.8	5.5	6.3	Đ	6.3	5.1	Y	TB	T	2	6.2	4.4	5.4	5.7	5.3	5.4	4.1	3.8	5.5	6.3	Đ	6.3	5	Yếu	TB	Ở lại lớp
5	Nguyễn Nhật Linh	10A1	3.3	6.1	6.3	7.5	5.4	5.9	6.8	6.4	4.7	7.3	6.5	Đ	7.4	6.1	Y	Khá	T	4.3	6.1	6.3	7.5	5.4	5.9	6.8	6.4	4.7	7.3	6.5	Đ	7.4	6.2	TB	Khá	Lên lớp
6	Nguyễn Ngọc Thành	10A1	3	4.9	3.6	5.9	5	5.9	5.8	4.6	4.4	6.7	5.7	Đ	6.3	5.2	Y	Khá	T	3.8	4.9	3.6	5.9	5	5.9	5.8	4.6	4.4	6.7	5.7	Đ	6.3	5.2	TB	Khá	Lên lớp
7	Lê Thành Tinh	10A1	2.5	4.2	3.6	6	5.5	5.5	7	4.2	2.7	5.5	6.1	Đ	6.3	4.9	Y	TB	T A	1	4.2	3.6	6	5.5	5.5	7	4.2	0.6	5.5	6.1	Đ	6.3	4.6	Kém	TB	Ở lại lớp
8	Lê Đức Dũng	10A2	3.4	6	5.7	5.9	5.7	6.3	7.6	5.9	4.3	7.7	7.7	Đ	6.1	6	Y	Khá	T	3.8	6	5.7	5.9	5.7	6.3	7.6	5.9	4.3	7.7	7.7	Đ	6.1	6.1	TB	Khá	Lên lớp
9	Nguyễn Minh Hùng	10A2	3.1	3.6	5.2	5.1	5.7	7.4	4.1	5.3	3.8	7.7	7.4	Đ	7	5.5	Y	Khá	T	0.8	3.6	5.2	5.1	5.7	7.4	4.1	5.3	3.8	7.7	7.4	Đ	7	5.3	Kém	Khá	Ở lại lớp
10	Nguyễn Lê Minh Nhật	10A2	3	4.5	3.4	5.8	5.1	6.1	5.4	3.2	4	5.6	7.2	Đ	7.1	5	Y	Khá	T H D	0.5	4.5	4.5	5.8	5.1	6.1	5.4	4.5	4	5.6	7.2	Đ	7.1	5	Kém	Khá	Ở lại lớp
11	Nguyễn Ngọc Sơn	10A2	5.2	5.5	4.5	5.2	5	5.2	5.6	3.3	4.1	6.8	8	Đ	6.3	5.4	Y	TB	D	5.2	5.5	4.5	5.2	5	5.2	5.6	7.5	4.1	6.8	8	Đ	6.3	5.7	TB	TB	Lên lớp
12	Cao Quốc Thái	10A2	2.9	3.7	2.8	6.5	5.2	5.2	5.4	3.3	4.4	6.8	7.3	Đ	5.6	4.9	Y	TB	T H D	0.8	3.7	4.8	6.5	5.2	5.2	5.4	6	4.4	6.8	7.3	Đ	5.6	5.1	Kém	TB	Ở lại lớp
13	Hoàng Minh Tiên	10A2	3.1	4.2	3.7	5	5	4	5.7	5.2	5	7.1	7.4	Đ	6.4	5.2	Y	TB	T	1	4.2	3.7	5	5	4	5.7	5.2	5	7.1	7.4	Đ	6.4	5	Kém	TB	Ở lại lớp
14	Đặng Hữu Hà	10A3	3.4	3.7	3.5	6.3	6.9	4.8	5.7	4.7	4.4	5.7	5.5	Đ	6.6	5.1	Y	TB	T V	2	3.7	3.5	6.3	6.9	5.3	5.7	4.7	4.4	5.7	5.5	Đ	6.6	5	Yếu	TB	Ở lại lớp
15	Lê Như Tuấn	10A3	3.5	5.2	3.4	6.1	6.6	5.7	6.6	5.4	4.1	7.5	5.8	Đ	7.1	5.6	Y	TB	H	3.5	5.2	5.3	6.1	6.6	5.7	6.6	5.4	4.1	7.5	5.8	Đ	7.1	5.7	TB	TB	Lên lớp
16	Dương Quốc Anh	10A4	3.1	4.8	2.9	5.1	5.1	4.1	6.2	3.3	2.8	5.7	5.7	Đ	5.8	4.6	Y	TB	T V A D H	0	4.8	2.5	5.1	5.1	2.8	6.2	0.5	2.2	5.7	5.7	Đ	5.8	3.9	Kém	TB	Ở lại lớp
17	Huỳnh Quang Huy	10A4	4	6.2	3.8	4.1	5.4	5	3.1	4.4	2.9	5.9	5	Đ	5.6	4.6	Y	TB	A Su	4	6.2	3.8	4.1	5.4	5	4	4.4	2.2	5.9	5	Đ	5.6	4.6	Yếu	TB	Ở lại lớp
18	Cao Thanh Quan	10A4	3.3	5.3	4	5.8	6.2	4.2	4.7	5.5	3.9	6.8	6.2	Đ	6.3	5.2	Y	Khá	T	3	5.3	4	5.8	6.2	4.2	4.7	5.5	3.9	6.8	6.2	Đ	6.3	5.2	Yếu	Khá	Ở lại lớp
19	Phan Quang Thắng	10A4	3.3	4.8	3.8	6.8	7	3.6	4.8	4.3	4.7	5.7	6.1	Đ	6.5	5.1	Y	Khá	T	2.5	4.8	3.8	6.8	7	3.6	4.8	4.3	4.7	5.7	6.1	Đ	6.5	5.1	Yếu	Khá	Ở lại lớp
20	Nguyễn Minh Tiến	10A4	3.8	4.7	4.2	4.9	6.5	4.2	5.5	3.2	3.6	5.9	6.7	Đ	5.5	4.9	Y	Khá	V D	3.8	4.7	4.2	4.9	6.5	5	5.5	8.3	3.6	5.9	6.7	Đ	5.5	5.4	TB	Khá	Lên lớp
21	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm	10A4	4.9	5.2	4.5	6.8	6.9	4.8	5.7	4.8	6	6.2	6.7	Đ	6.7	5.8	Y	Khá	V	4.9	5.2	4.5	6.8	6.9	5	5.7	4.8	6	6.2	6.7	Đ	6.7	5.8	TB	Khá	Lên lớp
22	Nguyễn Tấn Trung	10A4	3.6	3.7	4.5	5.1	6.5	4.5	5.1	3.9	5	5.2	5.3	Đ	5.4	4.8	Y	TB	T V	3.8	3.7	4.5	5.1	6.5	3.8	5.1	3.9	5	5.2	5.3	Đ	5.4	4.8	Yếu	TB	Ở lại lớp
23	Nguyễn Hà Vi	10A4	2.8	4.7	4.8	6.1	6.1	5.4	6	6	4.2	6.9	6.2	Đ	6.5	5.5	Y	TB	T	4.5	4.7	4.8	6.1	6.1	5.4	6	6	4.2	6.9	6.2	Đ	6.5	5.6	TB	TB	Lên lớp
24	Nguyễn Thị Kim Yến	10A4	3.4	4.4	4	7	6.6	5.7	4.8	4.6	4.6	5.8	6.7	Đ	6.1	5.3	Y	Khá	T	3.5	4.4	4	7	6.6	5.7	4.8	4.6	4.6	5.8	6.7	Đ	6.1	5.3	TB	Khá	Lên lớp
25	Nguyễn Ngọc Lan Anh	10A5	3.6	2.1	4.8	4.3	6.3	5.5	5.1	3.4	4.5	5.4	4.9	Đ	6.4	4.7	Y	Khá	L D C N	3.6	1.5	4.8	4.3	6.3	5.5	5.1	6.5	4.5	5.4	7	Đ	6.4	5.1	Kém	Khá	Ở lại lớp
26	Lê Duy Hạnh	10A5	3.1	2.6	3.8	4.6	7.7	5.9	5.8	4.3	5.1	4.9	5.6	Đ	6.8	5	Y	TB	T L	0.5	3.8	3.8	4.6	7.7	5.9	5.8	4.3	5.1	4.9	5.6	Đ	6.8	4.9	Kém	TB	Ở lại lớp
27	Nguyễn Trọng Nghĩa	10A5	5.8	3.4	5	6.1	6.3	5.8	5.4	6.4	5.7	5.5	7	Đ	6.7	5.8	Y	Khá	L	5.8	6	5	6.1	6.3	5.8	5.4	6.4	5.7	5.5	7	Đ	6.7	6	TB	Khá	Lên lớp
28	Đoàn Trần Gia Tuệ	10A5	3.5	4	2.7	4	5.9	4.2	4.4	4.8	4.1	5.2	5.2	Đ	5.9	4.5	Y	TB		3.5	4	2.7	4	5.9	4.2	4.4	4.8	4.1	5.2	5.2	Đ	5.9	4.5	Yếu	TB	Ở lại lớp
29	Trần Thanh Nguyễn	10A6	3.5	3.6	2.9	7.2	8.2	5	5.9	4.9	5.3	7	6.5	Đ	6.4	5.5	Y	Khá	H	3.5	3.6	4.5	7.2	8.2	5	5.9	4.9	5.3	7	6.5	Đ	6.4	5.7	TB	Khá	Lên lớp
30	Phạm Thị Thứ Tinh	10A6	4.4	5.7	6.7	7.5	7.6	4.7	5.3	7.8	5.9	6.4	6.8	Đ	6	6.2	Y	Khá	T	3.5	5.7	6.7	7.5	7.6	4.7	5.3	7.8	5.9	6.4	6.8	Đ	6	6.2	Yếu	Khá	Ở lại lớp
31	Lai Quốc Bảo	10A7	4.5	5	6	7.7	5.7	4.5	5.2	5.5	7	6.7	7.4	Đ	6.4	6	Y	Khá	T V	4	5	6	7.7	5.7	3.8	5.2	5.5	7	6.7	7.4	Đ	6.4	5.9	Yếu	Khá	Ở lại lớp
32	Nguyễn Thái Dương	10A7	4.8	6.5	5.3	7.9	6.8	4.8	6.7	7.1	5	6.1	8	Đ	7.2	6.4	Y	Khá	T V	2.5	6.5	5.3	7.9	6.8	5.3	6.7	7.1	5	6.1	8	Đ	7.2	6.2	Yếu	Khá	Ở lại lớp
33	Từ Ánh Lê	10A7	4.3	5	3.6	8.9	7.5	4.9	7.4	6.1	5.1	7.6	8.1	Đ	6.3	6.2	Y	TB	V	4.3	5	3.6	8.9	7.5	1.5	7.4	6.1	5.1	7.6	8.1	Đ	6.3	6	Kém	TB	Ở lại lớp

STT	Họ và tên	LỚP	KẾT QUẢ HỌC TẬP TRƯỚC KHI THI LẠI															Môn đăng ký thi lại	KẾT QUẢ HỌC TẬP SAU KHI THI LẠI																	
			Xếp loại												TBcm	HL	HK		Xếp loại												Xét duyệt					
			Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD					QP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Su	Địa	Anh	CD	CN		TD	QP	TBcm	HL	HK
34	Nguyễn Thị Thu Phương	10A7	5.5	3.6	3.3	6.3	7.7	4.8	4.8	4	5.2	6.4	7.5	Đ	6.3	5.5	Y	Khá	H	5.5	3.6	4.8	6.3	7.7	4.8	4.8	4	5.2	6.4	7.5	Đ	6.3	5.6	TB	Khá	Lên lớp
35	Hoàng Trung Quân	10A7	4.3	4.1	3.8	7.6	6.9	4.6	8	6.8	5.3	7.2	7.5	Đ	6	6	Y	Khá	T V	2.8	4.1	3.8	7.6	6.9	6.8	8	6.8	5.3	7.2	7.5	Đ	6	6.1	Yếu	Khá	Ở lại lớp
36	Nguyễn Hoàng Sơn	10A7	4.9	6.3	4.9	7.4	7.1	4.8	7.4	6	6.6	8	7.8	Đ	6	6.4	Y	Khá	T V	5.5	6.3	4.9	7.4	7.1	6.5	7.4	6	6.6	8	7.8	Đ	6	6.6	TB	Khá	Lên lớp
37	Đậu Xuân Thành	10A7	4.2	4.3	4.8	6.9	7	4.9	5.7	6.2	4.7	6.4	7.3	Đ	6	5.7	Y	Khá	T V	3	4.3	4.8	6.9	7	4	5.7	6.2	4.7	6.4	7.3	Đ	6	5.5	Yếu	Khá	Ở lại lớp
38	Nguyễn Ngọc Thi	10A7	3.6	4.1	2.7	7.7	6.7	5.1	7	5.9	5.8	7.4	8	Đ	6.3	5.9	Y	TB	H	3.6	4.1	4.3	7.7	6.7	5.1	7	5.9	5.8	7.4	8	Đ	6.3	6	TB	TB	Lên lớp
39	Nguyễn Hoài Thương	10A7	4.5	4.1	4.5	6.7	6.4	4.9	6.2	5.2	5.3	6.8	7.8	Đ	6.7	5.8	Y	TB	T V	0.8	4.1	4.5	6.7	6.4	3.8	6.2	5.2	5.3	6.8	7.8	Đ	6.7	5.4	Kém	TB	Ở lại lớp
40	Nguyễn Chánh Tình	10A7	4.9	5.2	4	6.3	6.4	4.3	5.1	5.2	4.8	6	7.2	Đ	6.8	5.5	Y	TB	T V	1.3	5.2	4	6.3	6.4	2.8	5.1	5.2	4.8	6	7.2	Đ	6.8	5.1	Kém	TB	Ở lại lớp
41	Đỗ Minh Duy	10A8	3.1	3.2	4.3	4.6	5.5	5.3	5.3	6.2	5.2	6.8	8.3	Đ	5.6	5.3	Y	Khá	T L	0	0.5	4.3	4.6	5.5	5.3	5.3	6.2	5.2	6.8	8.3	Đ	5.6	4.8	Kém	Khá	Ở lại lớp
42	Nguyễn Quốc Hùng	10A8	2.1	3.3	2.7	4.8	4.9	5.2	3.4	4.7	3.3	6	8.4	Đ	5.7	4.5	Y	TB	Không đăng kí	2.1	3.3	2.7	4.8	4.9	5.2	3.4	4.7	3.3	6	8.4	Đ	5.7	4.5	Yếu	TB	Ở lại lớp
43	Cao Phương Nhi	10A8	3.9	3.5	3.3	4.9	7	5.8	4.9	5.2	3.5	5.4	8.2	Đ	6.4	5.2	Y	Khá	H	3.9	3.5	7.5	4.9	7	5.8	4.9	5.2	3.5	5.4	8.2	Đ	6.4	5.5	TB	Khá	Lên lớp
44	Nguyễn Tấn Phát	10A8	2.9	3.3	5.2	5.9	5.4	4.8	4.9	5.8	4.2	5.1	8.4	Đ	5.9	5.2	Y	Khá	T L	3.5	4.3	5.2	5.9	5.4	4.8	4.9	5.8	4.2	5.1	8.4	Đ	5.9	5.3	Yếu	Khá	Ở lại lớp
45	Nguyễn Văn Trung Tín	10A8	4	4.5	4.7	6.5	5	4.7	4.1	3.7	4.6	5.3	8.5	Đ	6.1	5.1	Y	Khá	V	4	4.5	4.7	6.5	5	3.8	4.1	3.7	4.6	5.3	8.5	Đ	6.1	5.1	Yếu	Khá	Ở lại lớp
46	Trần Ngọc Thanh Trang	10A8	3.4	4.2	3.9	7.6	6.4	5.7	5.4	4.4	5	5.4	8.4	Đ	6.3	5.5	Y	TB	T	5.3	4.2	3.9	7.6	6.4	5.7	5.4	4.4	5	5.4	8.4	Đ	6.3	5.7	TB	TB	Lên lớp
47	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	10A8	2.9	4.9	4.1	6.5	7	4.4	5	6	5.1	7.3	8.3	Đ	5.9	5.6	Y	Khá	T	4.5	4.9	4.1	6.5	7	4.4	5	6	5.1	7.3	8.3	Đ	5.9	5.8	Yếu	Khá	Ở lại lớp
48	Phạm Nguyễn Tường Vi	10A8	3.5	2.9	3.3	6	6	5.2	3.4	6.7	4.4	4.9	8.6	Đ	6	5.1	Y	TB	L H Su	3.5	0	3	6	6	5.2	3.25	6.7	4.4	4.9	8.6	Đ	6	4.8	Kém	TB	Ở lại lớp
49	Phan Thị Hàm Chi	10A9	3.6	4.5	6.4	3.2	6	4.4	3.4	4.9	4	6.8	7.6	Đ	6.2	5.1	Y	Khá	T V Si Su	3	4.5	6.4	8.3	6	3	7	4.9	4	6.8	7.6	Đ	6.2	5.6	Yếu	Khá	Ở lại lớp
50	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10A9	3.7	2.8	3.7	5.3	5	4.4	3.7	4.2	3.2	5	7.9	Đ	7	4.7	Y	TB	T V L A	0	0	3.7	5.3	5	0	3.7	4.2	0	5	7.9	Đ	7	3.5	Kém	TB	Ở lại lớp
51	Nguyễn A Nguyễn	10A9	3.4	5.1	4.2	6.3	5	5.4	6	5.2	4.6	7.8	7.5	Đ	5	5.5	Y	TB	T	6.8	5.1	4.2	6.3	5	5.4	6	5.2	4.6	7.8	7.5	Đ	5	5.7	TB	TB	Lên lớp
52	Nguyễn Ngọc Thiên Thạch	10A9	3	5.3	5.1	4.4	6.5	6.8	4.5	4.5	4.1	4.9	7.7	Đ	6.3	5.3	Y	Khá	T	3	5.3	5.1	4.4	6.5	6.8	4.5	4.5	4.1	4.9	7.7	Đ	6.3	5.3	Yếu	Khá	Ở lại lớp
53	Ngô Thanh Trọng	10A9	4.4	5.2	3.2	7.7	7	5.1	7.2	4.9	5	5.8	7.5	Đ	6	5.8	Y	Tốt	H	4.4	5.2	4.5	7.7	7	5.1	7.2	4.9	5	5.8	7.5	Đ	6	5.9	TB	Tốt	Lên lớp
54	Nguyễn Phúc Gia Bảo	10A10	5	5.8	3.2	6.4	5	4.8	4.8	6.8	7.6	7	8	Đ	6.6	5.9	Y	Khá	H	5	5.8	3	6.4	5	4.8	4.8	6.8	7.6	7	8	Đ	6.6	5.9	Yếu	Khá	Ở lại lớp
55	Phạm Việt Đức	10A10	5.2	3.1	4.1	6.8	5.4	5.7	3.8	6.2	5.3	5.9	8	Đ	6.3	5.5	Y	Khá	L	5.2	5.3	4.1	6.8	5.4	5.7	3.8	6.2	5.3	5.9	8	Đ	6.3	5.7	TB	Khá	Lên lớp
56	Chu Gia Huy	10A10	4.9	5.4	4.1	5.4	5.6	5.1	2.6	3.2	4.9	6.2	7.6	Đ	6.2	5.1	Y	Khá	Su D	4.9	5.4	4.1	5.4	5.6	5.1	6	8	4.9	6.2	7.6	Đ	6.2	5.8	TB	Khá	Lên lớp
57	Trần Ngọc Đăng Khôi	10A10	5.3	4.9	4.7	6.8	5.7	5.1	3.2	7.5	4.9	5.7	9	Đ	7.3	5.8	Y	Khá	Su	5.3	4.9	4.7	6.8	5.7	5.1	9.5	7.5	4.9	5.7	9	Đ	7.3	6.4	TB	Khá	Lên lớp
58	Hồ Nam Phương	10A10	4.1	3.8	3.5	5.7	4.6	4.8	3.3	5.4	3.3	4.9	7.8	Đ	5.5	4.7	Y	TB	T A Su	4	3.8	3.5	5.7	4.6	4.8	9	5.4	3	4.9	7.8	Đ	5.5	5.2	Yếu	TB	Ở lại lớp
59	Trần Hoàng Thái	10A10	4.5	3.7	3.5	5.9	5.1	5.8	3.3	4.7	4.2	6.4	7.9	Đ	5.4	5	Y	TB	Không đăng kí	4.5	3.7	3.5	5.9	5.1	5.8	3.3	4.7	4.2	6.4	7.9	Đ	5.4	5	Yếu	TB	Ở lại lớp
60	Nguyễn Đức Bình	10A11	2.7	4.2	3.5	4.2	6.2	5.3	7.2	4.8	5.7	8.1	7.5	Đ	5.7	5.4	Y	Khá	T	4	4.2	3.5	4.2	6.2	5.3	7.2	4.8	5.7	8.1	7.5	Đ	5.7	5.5	TB	Khá	Lên lớp
61	Mã Thanh Huy	10A11	2.9	6.1	4.7	6.6	6.1	6.7	5	5.8	5	6	7.1	Đ	6.1	5.7	Y	TB	T	2.3	6.1	4.7	6.6	6.1	6.7	5	5.8	5	6	7.1	Đ	6.1	5.6	Yếu	TB	Ở lại lớp
62	Nguyễn Tùng Lâm	10A11	4	4.6	3.4	6.3	4.6	4.5	3.2	3.5	3.8	6.9	6.6	Đ	6.9	4.9	Y	TB	T H Su	0	4.6	0	6.3	4.6	4.5	0	3.5	3.8	6.9	6.6	Đ	6.9	4	Kém	TB	Ở lại lớp
63	Lương Phú Minh	10A11	2.7	5.4	5.2	6.9	6.8	5.7	6.5	6.1	4.8	6.8	6.7	Đ	7.1	5.9	Y	Khá	T	2.5	5.4	5.2	6.9	6.8	5.7	6.5	6.1	4.8	6.8	6.7	Đ	7.1	5.9	Yếu	Khá	Ở lại lớp
64	Nguyễn Nam Phương	10A11	2.4	5.1	3.5	4.2	5.4	4.4	5	3.5	4.5	3.5	7.5	Đ	5.5	4.5	Y	Khá	Không đăng kí	2.4	5.1	3.5	4.2	5.4	4.4	5	3.5	4.5	3.5	7.5	Đ	5.5	4.5	Yếu	Khá	Ở lại lớp
65	Phạm Trung Tâm	10A11	3.3	5.1	5	6.3	4.7	5	3.1	4.7	3.7	5.4	6.5	Đ	5.2	4.8	Y	TB	T Su	2.3	5.1	5	6.3	4.7	5	4.5	4.7	3.7	5.4	6.5	Đ	5.2	4.9	Yếu	TB	Ở lại lớp
66	Cao Minh Thắng	10A11	2.4	5.3	2.3	5.1	5.3	4.7	3.4	4.5	2.9	6	6.7	Đ	6.1	4.6	Y	Khá	T H Su A	0.8	5.3	5.8	5.1	5.3	4.7	4	4.5	1.3	6	6.7	Đ	6.1	4.6	Kém	Khá	Ở lại lớp
67	Nguyễn Trung Thiện	10A11	2	4	3.2	5.8	5	4.8	4.2	3.6	4	6.7	7.6	Đ	6.2	4.8	Y	TB	T H	1.3	4	3.8	5.8	5	4.8	4.2	3.6	4	6.7	7.6	Đ	6.2	4.8	Kém	TB	Ở lại lớp
68	Nguyễn Trung Tín	10A11	4.5	6.8	6.3	7.9	5.1	4.6	6.7	6.9	7	6.9	7.2	Đ	7.3	6.4	Y	Tốt	T	6.8	6.8	6.3	7.9	5.1	4.6	6.7	6.9	7	6.9	7.2	Đ	7.3	6.6	TB	Tốt	Lên lớp
69	Nguyễn Mạnh Toàn	10A11	3.4	5.9	4.8	6.4	6	5.6	4.8	4.8	6	4.9	7.2	Đ	6.6	5.5	Y	Khá	T	2.3	5.9	4.8	6.4	6	5.6	4.8	4.8	6	4.9	7.2	Đ	6.6	5.4	Yếu	Khá	Ở lại lớp
70	Đinh Thị Tuyết Hoa	10A12	2.9	4.1	3.8	5.1	5	6	2.8	5.2	4.1	6	6.3	Đ	6.3	4.8	Y	Khá	T Su	4.3	4.1	3.8	5.1	5	6	9.5	5.2	4.1	6	6.3	Đ	6.3	5.5	TB	Khá	Lên lớp
71	Dương Gia Huy	10A12	2.7	5	3.7	4.8	4.8	5.1	4.6	3.8	4.3	4.6	7.5	Đ	7	4.8	Y	TB	T Si	3.8	5	3.7	9	4.8	5.1	4.6	3.8	4.3	4.6	7.5	Đ	7	5.3	TB	TB	Lên lớp

STT	Họ và tên	LỚP	KẾT QUẢ HỌC TẬP TRƯỚC KHI THI LẠI															Môn đăng ký thi lại	KẾT QUẢ HỌC TẬP SAU KHI THI LẠI																	
															Xếp loại																Xếp loại			Xét duyệt		
			Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Sử	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP	TBcm	HL		HK	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Tin	Văn	Su	Địa	Anh	CD	CN	TD	QP	TBcm		HL	HK
72	Hoàng Đại Thành	10A12	2	4.7	3.4	5.5	4.7	4.2	3.5	3.3	3.6	5.5	5.8	Đ	6.1	4.4	Y	TB	THD	1.3	4.7	2.8	5.5	4.7	4.2	3.5	5.5	3.6	5.5	5.8	Đ	6.1	4.4	Kém	TB	Ở lại lớp
73	Lê Quang Tuyên	10A12	4.1	4.5	3.5	3.2	4.2	5.5	5.3	5.3	4.4	5.4	6.6	Đ	6.4	4.9	Y	Khá	Si	4.1	4.5	3.5	8.5	4.2	5.5	5.3	5.3	4.4	5.4	6.6	Đ	6.4	5.3	TB	Khá	Lên lớp

Kết quả có : 26 học sinh được lên lớp và 47 học sinh ở lại lớp

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Quận 9, ngày 19 tháng 6 năm 2017

Người lập bảng